

Bản án số: **49/2019/KDTM-PT.**

Ngày: 16/5/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2019/KTPT ngày 22/2/2019 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXX-PT ngày 25/4/2019 giữa:

*** Nguyên đơn:** Công ty cổ phần dịch vụ Y

Địa chỉ: Cổ Diễn, T, huyện T, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Hanh Đ, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH Á; có trụ sở tại: P.101, số 127 đường Nguyễn Phong S, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Hoài S và bà Đỗ Như Q, cùng có địa chỉ tại: phòng 101, số 127 Nguyễn Phong S, quận C, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Bệnh viện Đa khoa T

Địa chỉ: số 1 Đường T, thị trấn V, huyện T, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Thanh T, Phó phụ trách Phòng kế hoạch tổng hợp - Bệnh viện Đa khoa T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Nguyên đơn Công ty CP dịch vụ Y trình bày:

Công ty CP dịch vụ Y (gọi tắt là Công ty Y) ký kết hợp đồng hợp tác liên doanh liên kết với Bệnh viện đa khoa T (gọi tắt là Bệnh viện T). Theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng, Công ty Y góp vốn đầu tư 7.552.202.495 đồng; Bệnh viện T

cam kết góp vốn đầu tư bằng Quyền sử dụng 1.600m² đất nhà tầng 1 đi kèm với cơ sở hạ tầng khác có sẵn để thực hiện dự án liên doanh liên kết nâng cấp khoa Hồi sức cấp cứu, khoa khám bệnh và khoa cận lâm sàng.

Hai bên thành lập ban quản lý dự án, lấy pháp nhân của Bệnh viện T để tham gia giao dịch và làm chủ đầu tư thực hiện dự án. Hợp đồng có thời hạn 10 năm. Phân chia kết quả đầu tư thực hiện theo tỷ lệ:

- Khi dự án chưa được phê duyệt, tỷ lệ phân chia là 50/50
- Khi dự án được phê duyệt:
 - + Trong 5 năm đầu, công ty được 70% lợi nhuận, bệnh viện được 30% lợi nhuận
 - + Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10: Công ty được 60% lợi nhuận, bệnh viện được 40% lợi nhuận.
 - + Sau khi hết hợp đồng mà hai bên thống nhất gia hạn hợp đồng thì tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 50/50

Ngày 05/11/2010, Sở y tế Hà Nội có công văn 3194 cho phép hoạt động đề án liên doanh đầu tư nêu trên.

Sau khi ký kết hợp đồng công ty Y đã thực hiện theo đúng cam kết trách nhiệm của công ty Y trong hợp đồng. Từ đầu năm 2008 – 2011, Bệnh viện đã thực hiện việc thanh toán lợi nhuận cho công ty theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cụ thể: Năm 2008: 426.712.000 đồng; Năm 2009: 935.018.000 đồng; Năm 2010: 1.074.011.000 đồng; Năm 2011: 1.209.338.000 đồng. Từ Năm 2012 đến hết năm 2013 bệnh viện chưa thanh toán.

Công ty đã có nhiều văn bản yêu cầu bệnh viện T thanh toán lợi nhuận cho công ty nhưng bệnh viện không thực hiện. Theo quy chế hoạt động của liên doanh tại Phần 2 có yêu cầu Ủy viên Kế toán đối chiếu số liệu tài chính vào ngày 30 hàng tháng. Tuy nhiên, từ tháng 01/10/2012, bệnh viện đã không đối chiếu số liệu tài chính.

Công ty Y khởi kiện yêu cầu Bệnh viện T thanh toán cho công ty:

1. Lợi nhuận năm 2012: gồm 9 tháng đầu năm là 1.061.393.000 đồng và 3 tháng cuối năm là 207.794.000 đồng. Tổng cộng là 1.269.187.000 đồng.
2. Lãi do chậm thanh toán lợi nhuận năm 2012 tính từ 01/10/2012 đến 01/6/2017 là 582.556.833 đồng và lãi phát sinh từ 01/6/2017 cho đến khi Bệnh viện trả hết nợ lợi nhuận cho Công ty.
3. Bồi thường 50% trang thiết bị văn phòng là 333.926.300 đồng x 50% = 166.963.150 đồng; Bồi thường 50% chi phí xây dựng là 2.997.356.000 đồng x 50% = 1.498.678.000 đồng và Bồi thường 50% trang thiết bị y tế là 3.994.406.564 đồng x 50% = 1.997.203.282 đồng

Tổng cộng Công ty yêu cầu Bệnh viện phải thanh toán toàn bộ số tiền là 5.514.588.265 đồng và lãi phát sinh từ 01/6/2017 cho đến khi Bệnh viện T trả hết nợ lợi nhuận cho Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bệnh viện thanh toán: Lợi nhuận năm 2012 là 1.269.187.000 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán phần lợi nhuận năm 2012 từ ngày 01/10/2013 đến 31/7/2018 là 559.287.382 đồng (tính lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước là 9%/năm); Yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư xây dựng

cơ bản thực hiện dự án sửa chữa cải tạo nâng cấp 3 khoa Bệnh viện đa khoa T là 1.129.873.500 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán thi hành án theo quy định trong bản án số 45 ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và quyết định thi hành án số 790/QĐ-CCTHA ngày 22/7/2014 của chỉ cục thi hành án Thanh Trì là: 48 tháng (22/7/2014- 22/7/2018) x 1.129.873.500đ x 0,75%/ tháng = 406.754.460 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường trang thiết bị nội thất văn phòng và trang thiết bị y tế đã đầu tư, ngày 1/7/2014, hai bên tiến hành kiểm kê các trang thiết bị y tế, nội thất văn phòng theo Biên bản kiểm kê trang thiết bị y tế và thiết bị nội thất, văn phòng đã đầu tư theo Hợp đồng liên doanh liên kết tại Bệnh viện T. Các máy móc, thiết bị y tế và nội thất văn phòng trên hiện đang được niêm phong nên nguyên đơn xin được rút yêu cầu này, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn, Bệnh viện đa khoa T trình bày:

Bệnh viện T xác nhận có ký hợp đồng liên doanh, liên kết với Công ty Y như đại diện Công ty đã trình bày. Bệnh viện cũng xác nhận đã thanh toán lợi nhuận cho công ty từ năm 2008 đến năm 2011. Từ năm 2012, bệnh viện chưa thanh toán lợi nhuận cho công ty.

Do đó, về yêu cầu thanh toán lợi nhuận năm 2012 và lãi phát sinh do chậm thanh toán lợi nhuận năm 2012, Bệnh viện T đồng ý thanh toán cho Công ty lợi nhuận năm 2012. Tuy nhiên, về số tiền cụ thể, Bệnh viện T sẽ cung cấp cho Tòa án tại buổi làm việc sau. Nếu Bệnh viện T không cung cấp được số liệu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán lợi nhuận năm 2012, Bệnh viện T không đồng ý thanh toán do không phải là lỗi của bệnh viện trong việc chậm thanh toán.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại nội thất văn phòng của công ty và chi phí xây dựng cải tạo tổng cộng là 3.662.844.432 đồng, Bệnh viện T không đồng ý thanh toán do không có căn cứ chứng minh Bệnh viện vi phạm hợp đồng, chậm dứt hợp đồng trước thời hạn với Công ty Y.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình cũng như tạo điều kiện để Bệnh viện T và Công ty Y đối chiếu số liệu nhưng Bệnh viện T đều không thực hiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ Y.

Buộc Bệnh viện đa khoa T phải thanh toán cho công ty cổ phần dịch vụ Y Lợi nhuận năm 2012 là 1.269.187.000 đồng và lãi suất của số tiền này theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/7/2018 là 559.287.382 đồng.

Buộc Bệnh viện đa khoa T phải bồi thường cho Công ty cổ phần dịch vụ Y chi phí đầu tư xây dựng cơ bản là 1.129.873.500 đồng và tiền lãi của số tiền này là 406.754. 640 đồng.

Tổng cộng là 3.365.102.342 đồng.

Công ty cổ phần dịch vụ Y rút yêu cầu bồi thường trang thiết bị nội thất văn phòng và trang thiết bị Y đã đầu tư, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa không xét.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thanh toán theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2018, bị đơn là Bệnh viện T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét bác toàn bộ bản án sơ thẩm mà Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới; Bị đơn xuất trình bảng thanh toán tiền lương năm 2012 của các cán bộ tham gia liên doanh và yêu cầu liên doanh phải trả tiền lương cho các cán bộ này đã tham gia liên doanh xác nhận đã trả tiền lương cho các cán bộ tham gia liên doanh từ trước cho đến nay.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với bản án kinh doanh thương mại số 13/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn là Bệnh viện T trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Công ty CP dịch vụ Y và Bệnh viện đa khoa T là các pháp nhân thành lập hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật đã giao kết hợp đồng một cách công khai tự nguyện nên hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với hai bên.

Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Công ty CP dịch vụ Y và Bệnh viện đa khoa T phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp hợp đồng đầu tư” là hoàn toàn phù hợp.

Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn là Bệnh viện đa khoa T, có trụ sở tại: số 01 Đường T, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bệnh viện Đa khoa T thấy rằng:

Công ty Y ký kết hợp đồng hợp tác liên doanh liên kết với Bệnh viện T. Theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng, Công ty Y góp vốn đầu tư 7.552.202.495 đồng; Bệnh viện T cam kết góp vốn đầu tư bằng Quyền sử dụng 1.600m² đất nhà tầng 1 đi kèm với cơ sở hạ tầng khác có sẵn để thực hiện dự án liên doanh liên kết nâng cấp khoa Hồi sức cấp cứu, khoa khám bệnh và khoa cận lâm sàng.

Hai bên thành lập ban quản lý dự án, lấy pháp nhân của Bệnh viện T để tham gia giao dịch và làm chủ đầu tư thực hiện dự án. Hợp đồng có thời hạn 10 năm. Phân chia kết quả đầu tư thực hiện theo tỷ lệ: Khi dự án chưa được phê duyệt, tỷ lệ phân chia là 50/50; Khi dự án được phê duyệt: Trong 5 năm đầu, công ty được 70% lợi nhuận, bệnh viện được 30% lợi nhuận; Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10: Công ty được 60% lợi nhuận, bệnh viện được 40% lợi nhuận; Sau khi hết hợp đồng mà hai bên thống nhất gia hạn hợp đồng thì tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 50/50.

Kháng cáo của Bệnh viện T cho rằng Bệnh viện không tự ý ngừng hoạt động của liên doanh mà do tự ý ngừng hoạt động của phía nguyên đơn (Công ty CP dịch vụ Y). Số tiền (của lợi nhuận năm 2012) là 1.269.187.000 đồng là không đúng vì những người xác nhận là nhân viên bệnh viện nên không đủ thẩm quyền xác nhận do đó không có giá trị.

Xem xét các nội dung kháng cáo trên thì thấy rằng: theo hợp đồng hợp tác các bên đã ký ngày 24/10/2007 tại mục b Điều 15.2 có quy định: không bên nào được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. Theo phụ lục số 02 ký ngày 25/5/2009 tại Điều 3.1 (bổ sung khoản 9.4 của hợp đồng hợp tác ngày 24/10/2007) quy định về quyết toán như sau: Nguồn thu do bảo hiểm y tế chi trả quyết toán 03 tháng 01 lần theo quyết toán của Bệnh viện chi bảo hiểm y tế; Nguồn thu từ nhân dân và thu phụ trội: quyết toán và thanh toán tháng 01 lần.

Trên thực tế thì từ năm 2007 đến năm 2011 các bên đã thanh quyết toán với nhau đúng thỏa thuận trong hợp đồng không có vướng mắc gì, thể hiện có tạm ứng thanh toán lợi nhuận theo từng quý. Tuy nhiên, từ cuối năm 2012 thì việc đối chiếu, thanh toán lợi nhuận gặp trục trặc do phía bệnh viện không ký xác nhận bản đối chiếu cũng như tạm ứng. Như vậy là Bệnh viện T đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng nên việc Công ty Y có đơn phương chấm dứt hợp đồng cũng không sai theo Điều 310 Luật thương mại năm 2005. Tuy nhiên, trên thực tế thì Công ty Y không thể đơn phương vì họ đã đầu tư toàn bộ máy móc, thiết bị, vật liệu rồi, chỉ cử người là kế toán để tham gia quản lý theo dõi thu chi của liên doanh. Việc vận hành để sinh lợi nhuận là thuộc về phía bệnh viện.

Do vậy, kháng cáo thứ nhất cho rằng phía nguyên đơn tự ý chấm dứt hợp đồng là không có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo thứ hai của bị đơn về số tiền lợi nhuận năm 2012 thì thấy rằng: Theo quy định của hợp đồng liên doanh và các phụ lục cũng như phân công của lãnh đạo bệnh viện T thời kỳ đó thì ông Trần Văn T - Phó trưởng phòng kế toán Bệnh viện là người tiến hành đối chiếu với kế toán của Công ty Y (bà Trương Quỳnh C). Hai người đã đối chiếu và lập báo cáo thu chi 9 tháng đầu năm 2012 nhưng không được lãnh đạo bệnh viện ký phê duyệt nên không thanh toán được từ đó xảy ra tranh chấp. Còn đối chiếu thu chi quý 4/2012 thì tại phiên tòa phúc thẩm phía Bệnh viện xác nhận con số là chính xác.

Sau này theo biên bản đối chiếu ngày 02/7/2014 cũng như báo cáo ngày 08/7/2014 của ông Trần Văn T thì đều thể hiện số liệu đối chiếu trước đây năm 2012 là đúng. Các bên chỉ không thống nhất về việc chi phí hóa chất Bệnh viện mua về dùng chưa hết. Quan điểm của Công ty Y cho rằng bệnh viện phải chủ động và chịu trách nhiệm với hóa chất chính mình mua về dùng không hết. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn/ Bệnh viện T yêu cầu liên doanh phải chịu chi phí trả lương cho các cán bộ nhân viên của Bệnh viện tham gia liên doanh; phía nguyên đơn khi được hỏi thì khẳng định là hợp đồng hợp tác không có thỏa thuận liên doanh phải trả lương cho các cán bộ, nhân viên của Bệnh viện tham gia liên doanh và thực tế không trả, các quyết toán mà hai bên đã đối chiếu hay ký trước năm 2012 không có khoản này.

Bị đơn còn khai và yêu cầu trong các khoản chi khác chưa quyết toán năm 2012 còn một khoản chi mà Bệnh viện đã tạm ứng trả nhưng liên doanh phải chịu trị giá 105.000.000 đồng (tương ứng các chi phí khác), là khoản tiền bệnh viện đã ứng ra để bồi thường một trường hợp tai biến do kết quả xét nghiệm máu sai từ năm 2009; Phía nguyên đơn không chấp nhận ý kiến này vì cho rằng tai biến nếu có không phải do liên doanh gây ra, việc đối chiếu sổ sách hàng năm từ năm 2009 đến năm 2011 không thể hiện nội dung này, bị đơn không có tài liệu nào thể hiện nguyên đơn có văn bản thống nhất liên doanh chịu bồi thường, mặt khác hợp đồng liên doanh đã thỏa thuận rủi ro xảy ra ở bên nào thì bên đó tự chịu. Lập luận này của nguyên đơn là phù hợp thực tế khách quan nên được chấp nhận. Như vậy, quyết định của Tòa án sơ thẩm về số tiền lợi nhuận năm 2012 Công ty y được hưởng cùng lãi suất chậm trả là hợp lý (việc áp dụng điều luật và mức lãi sẽ được phân tích ở phía dưới).

Phía bị đơn còn có kháng cáo và có quan điểm cho rằng khi liên doanh phía nguyên đơn đã tiến hành cải tạo, xây dựng không có giấy phép và hợp đồng không có thỏa thuận nào về bồi thường xây dựng khi liên doanh chấm dứt trước thời hạn nên yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Về vấn đề này thấy rằng, căn cứ hợp đồng liên doanh giữa hai bên và hợp đồng xây dựng cải tạo giữa Công ty Y và công ty xây dựng là Công ty CP kiến trúc Q và hồ sơ thiết kế cải tạo do Công ty Kiến trúc Q lập và báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán A lập thì các hạng mục đều là cải tạo, sửa chữa trên cơ sở kiến trúc cũ nên không phải xin phép xây dựng. Xét thấy, theo hợp đồng liên doanh thì thời hạn là 10 năm. Tại mục b Điều 13.2 có quy định khi hết hạn thì phần cải tạo xây dựng sẽ thuộc về bệnh viện, tuy nhiên hợp đồng này đã bị chấm dứt sau 5 năm và do lỗi phía bệnh viện như xác định ở trên nên phía bệnh viện phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng của 2.529.747.000 đồng (như bản án phúc thẩm số 45/2014/KDTM-PT ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định) là 1.129.873.500 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 9% là tự nguyện nên được chấp nhận, tính cụ thể là (48 tháng): $1.129.873.500đ \times 9\%/năm \times 48 \text{ tháng} = 406.754.460 \text{ đồng}$. Về thanh toán giá trị thanh toán $\frac{1}{2}$ của số tiền 2.529.747.000 đồng thì phải là hơn 1,2 tỷ đồng nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận hơn 1,1 tỷ đồng nhưng sau đó nguyên đơn không kháng cáo nên tại cấp phúc thẩm có yêu cầu điều chỉnh số tiền xây dựng phải trả không được chấp nhận theo Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía nguyên đơn đã rút yêu cầu bồi thường trang thiết bị y tế đã đầu tư đang để ở Bệnh viện T (do ngày 01/7/2014, hai bên đã kiểm kê, niêm phong) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không phải xem xét.

Như vậy là Tòa án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc áp dụng pháp luật, ở đây là tranh chấp hợp đồng hợp tác liên doanh có mục đích lợi nhuận phải áp dụng thêm Luật thương mại năm 2005 để giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ, không trả lời cụ thể vào các yêu cầu của nguyên đơn mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần yêu cầu cung cấp, trả lời. Tại cấp phúc thẩm Tòa án cũng đã tạo điều kiện để phía bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình song chỉ đến tại phiên tòa mới có ý kiến và chỉ cung cấp bản sao bảng lương của các cán bộ, nhân viên của Bệnh viện tham gia liên doanh, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên sẽ phải chịu trách nhiệm về việc chứng minh không đầy đủ theo Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3]. Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 96; Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 271; Điều 273; Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 305, 422 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Điều 306, 310 Luật thương mại 2005;

Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP dịch vụ Y.

Buộc Bệnh viện đa khoa T phải thanh toán cho Công ty cổ phần dịch vụ Y lợi nhuận năm 2012 là 1.269.187.000 đồng và lãi suất của số tiền này theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/7/2018 là 559.287.382 đồng.

Buộc Bệnh viện đa khoa T phải bồi thường cho Công ty cổ phần dịch vụ Y chi phí đầu tư xây dựng cơ bản là 1.129.873.500 đồng và tiền lãi của số tiền này đến ngày 31/7/2018 là 406.754. 640 đồng.

Tổng cộng là 3.365.102.342 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty cổ phần dịch vụ Y về việc bồi thường trang thiết bị nội thất văn phòng và trang thiết bị y tế đã đầu tư, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa không xét.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bệnh viện đa khoa T phải chịu 99.302.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm xác nhận đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 08210 ngày 07/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Bệnh viện đa khoa Thanh Trì phải nộp số tiền 99.302.000 đồng.

Công ty cổ phần dịch vụ Y được hoàn lại 46.960.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 2571 ngày 06/01/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/5/2019.

Nơi nhận:

- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Hoàng Minh Thành